

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+PPD	7:25	10+1	0+0		14+8	0+0	
2		P9+P10	7:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
3		BK10+BK15+P10	7:25	9+7+5	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
4		TD2-RP3	7:25	5+14	0+0		5+17	0+0	
5		RC4+RC6+RP3	9:25	0+0+11	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 rc4-rc6chuyen 1 rc6-rp3
6		P2+RP2	9:25	12+1	0+0		13+9	0+0	
7		P11+BK6+BK8	9:25	12+0+1	0+0+0		12+3+6	0+0+0	
8		BK3+P9	11:25	0+16	0+0		1+21	0+0	chuyen 4 bk3-p9
9		P10+BK10	11:25	14+0	0+0		18+4	0+0	
10		P6+TTC1+TD3	11:25	5+0	0+0		17+5	0+0	Chuyen P6-TTC1

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/01/2024	TO: BK3 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Thành -	ETA: 09:20
xanh-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO V.	BK3					74	KH-THAC	Russian
2	SMIRNOV S.	BK3	11	1	5		92	KH-THAC	Russian
3	LÊ ĐỨC TOÀN	BK3	21	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠO VĂN ĐỨC	BK3	13-14	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN THUY	BK3	12	1	5	80	60	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ ANH NGỌC	BK3	19-20	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG LUY	BK3	16-18	3	19		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LINH	BK3	10	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LỆ	BK3	15	1	4		67	PSV	Vietnamese
10	BUI KIẾN ĐỨC	BK3	12-13	2	15		90	NHATHAU	Vietnamese
11	ĐO VĂN HUY	PPD	600	1	5	82	70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	10	14	80	735	80	14		
2	PPD	1	1	5	70	82	8		
TOTAL		11	15	85	805	162	22		
WEIGHT KG				85	805	162			

GRAND TOAL: 1.052 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/01/2024	TO: P9 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN A.	P9	84	1	16		116	KH-THAC	Russian
2	LÊ VĂN LINH	P9	85	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT CUÔNG	P9	89	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HAI	P9	91	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH THUY (Đ)	P9	92	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ ĐỨC MINH	P9	88	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN DUY	P9	86-87	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P9	90	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGỌC THÂN	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG ANH TU	P10					80	D-HANH	Vietnamese
11	K LỘC	P10	99	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HUYNH VŨ	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HOANG SƠN	P10	39	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	40	1	5	15	65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC BA	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ BAO TRUNG	P10	02	1	3		89	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH KHOA	P10	98	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BAO LAM	P10	800	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					83	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC HAI	P10	97	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	9	9	56	702	0	8		
2	P10	12	7	46	925	15	14		
TOTAL		21	16	102	1.627	15	22		
WEIGHT KG				102	1.627	15			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: BK10 - BK15 - P10	CREW: CHIẾN - N.Cường - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHIEVCHENKO J.M.	BK10	68	1	2	40	61	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK10					76	KH-THAC	Vietnamese
3	BAGNYUKOVA J.S.	BK10	67	1	2		61	NIPI	Russian
4	BUI ĐÌNH PHI	BK10	94	1	5		61	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	69	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					80	KH-THAC	Vietnamese
7	PIAM HOANG GIANG	BK10	66	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	70-71	2	9		54	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN MINH TUẤN	BK10	72	1	14		61	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HAI	BK15	53	1	4	20	68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	54	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	56	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DƯƠNG HÒE	BK15	52	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ANH	BK15	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PIAM PHU BÌNH	BK15	57	1	5		66	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN LINH	P10	67	1	5		73	NIPI	Vietnamese
18	ĐẶNG THIE ANH	P10	64	1	7		67	NIPI	Vietnamese
19	DUƠNG TAT THẮNG	P10	66	1	4		72	DUNG QU	Vietnamese
20	PIAM NGỌC THANH	P10	63	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LỢI	P10	65	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	9	8	41	613	40	5		
2	BK15	7	7	41	488	20	6		
3	P10	5	5	31	341	0	11		
TOTAL		21	20	113	1.442	60	22		
WEIGHT KG				113	1.442	60			

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: TD2 - RP3	CREW: Linh - MTHAO - PTUẤN	ETA: 09:40
TRANG-1			

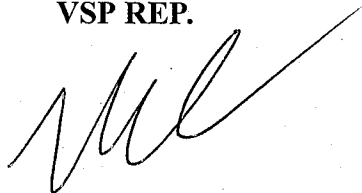
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	75	1	11	15	103	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	35	1	14	35	87	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN MẠNH HOAN	TD2	78	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
4	BUI HUU HONG	TD2					88	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	40	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	42	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TRUNG THỌ	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUNG	TD2	39	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHI LINH	TD2	89	1	10		82	DVL	Vietnamese
10	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	37	1	8	30	65	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	43	1	13		82	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ PHÚ	TD2	38	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	41	1	7		86	KHOAN	Vietnamese
14	ĐAM CẢNH DUNG	TD2	34	1	9		62	PSV	Vietnamese
15	SADOVNICHENKO	TD2	36	1	15		105	KHOAN	Russian
16	TRAN ANH TUAN	TD2	88	1	9		75	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VO DINH DUY	TD2	83-84	2	19	31	75	DVL	Vietnamese
18	VU VAN NAM	TD2	85	1	13		65	DVL	Vietnamese
19	DƯƠNG ĐIẾP PHI	RP3					78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN BÀ LƯỢNG	RP3					65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY HÙNG	RP3	02-03	2	5		69	KHOAN	Vietnamese
22	BUI NGOC LAM	RP3	01	1	6		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	17	157	1.383	111	17		
2	RP3	4	3	11	288	0	5		
TOTAL		22	20	168	1.671	111	22		
WEIGHT KG				168	1.671	111			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: RC4 - RC6 - RP3	CREW: VThắng - HTrung - Thành -	ETA: 11:40
XANH-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DAM	RP3	02	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
2	KHUAT QUANG KIEN	RP3	07	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG HAO	RP3	04-05	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
4	PIAM DINH THUYET	RP3	09	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
5	PIAM TUAN LONG	RP3	10	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC TUAN	RP3	06	1	8	100	75	KHOAN	Vietnamese
7	DAO XUAN THE	RP3	13-15	3	19		70	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH TRUNG NGHIA	RP3	11	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HAI LAM	RP3	01	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU LUAN	RP3	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	PIAM THANH KHIET	RP3	03	1	5		65	DNV	Vietnamese
12	VU VAN DOANH	RP3					72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	0	0	0	0	0	0	+2	CHUYEN 2 PAX RC4-RC6 CHUYEN 1 RC6-RP3
2	RC6	0	0	0	0	40	0	+1	
3	RP3	12	14	90	847	100	22		
TOTAL		12	14	90	847	140	22		
WEIGHT KG				90	847	140			

GRAND TOAL: 1.077 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: P2 - RP2	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HAI	P2	48-49	2	14	140	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH NHÂN	P2	52-53	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU VĂN ĐIẾP	P2	35	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN BAO TOÀN	P2	54	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ THANH LONG	P2	45	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	47	1	11		68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	55	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	50-51	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	46	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN KHẮC CĂN	P2	56	1	12		59	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG HOANG HIẾU	P2	43-44	2	14		76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM DUY CHUNG	RP2	17	1	5		67	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	15	107	821	140	13		
2	RP2	1	1	5	67	0	9		
TOTAL		13	16	112	888	140	22		
WEIGHT KG				112	888	140			

GRAND TOAL: 1.140 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/01/2024	TO: P11 - BK6 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cường - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HÀ	P11	90	1	4	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HÀ	P11	30	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT DUNG	P11	89	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	97-99	3	15		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	91-92	2	12		100	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	94	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KIM THẠCH	P11	22-24	3	15		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P11	95-96	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	21	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÙNG	P11	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO MINH HỘI	P11	29	1	2		70	PSV	Vietnamese
12	PHẠM TOÀN VŨ	P11	20	1	5		78	PSV	Vietnamese
13	ĐÀO ANH HUYNH	BK8	51-52	2	20	5	70	DVL	Vietnamese
14	VŨ DINH QUANG	BK8	54-55	2	20	40	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	12	18	93	867	20	12		
2	BK6	0	0	0	0	0	3		
3	BK8	2	4	40	145	45	6		
TOTAL		14	22	133	1.012	65	21		
WEIGHT KG				133	1.012	65			

GRAND TOAL: 1.210 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	TO: BK3 - P9	CREW: Linh - XHOÀN - DTùng	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH THUY (KT)	P9	64,74	2	11	25	74	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ SĨ BÌNH	P9	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	600	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN BĂNG	P9	71	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN DŨNG	P9	94	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	95	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HAI	P9	800	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN CỬ	P9					58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	99	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ TRƯỞNG KIẾN	P9	96-97	2	15		94	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG THANH	P9	92-93	2	7		72	PSV	Vietnamese
12	HỒ MINH PHÚC	P9	79	1	6		82	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN VIỆT	P9	83	1	3		78	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUANG	P9	82	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	76	1	7		74	PSV	Vietnamese
16	VŨ HỒNG TÍN	P9	77-78	2	14		84	YTE	Vietnamese
17	NGO AN CHUNG	P9	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	0	0	0	0	30	1+4		CHUYEN 4 PAX BK3-P9
2	P9	17	20	109	1.202	25	21		
TOTAL		17	20	109	1.202	55	22		
WEIGHT KG				109	1.202	55			

GRAND TOAL: 1.366 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lele VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/01/2024	TO: P10 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Tú	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	12-13	2	14	20	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	07-08	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	06	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	03	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CHÍ HIẾU	P10	04	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	05	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	20	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HIẾU LIÊM	P10	14	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ NGỌC THANH	P10	09-10	2	9		56	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NĂNG	P10	15	1	3		64	PSV	Vietnamese
11	PHẠM MINH TÂM	P10	16	1	9		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH QUANG	P10	11	1	5		62	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐỨC	P10	17	1	12		54	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG MINH TÂN	P10	18	1	10	19	78	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	14	17	110	931	39	18		
2	BK10	0	0	0	0	26	4		
TOTAL		14	17	110	931	65	22		
WEIGHT KG				110	931	65			

GRAND TOAL: 1.106 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 10	TO: P6 - TTC1 - TD3	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 14:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUNG	TD3	56	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO DANG DUC	TD3	63	1	15	20	70	KH-THAC	Vietnamese
3	DO NG VÂN THỊNH	TD3	59-60	2	10		86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DAT	TD3	57-58	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM XUAN MANH	TD3	61-62	2	6		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	0	0	0	0	0	5+1		CHUYEN 1 PAX P6-TTC1
2	TTC1	0	0	0	0	0	0		
3	TD3	5	8	52	370	20	17		
TOTAL		5	8	52	370	20	22		
WEIGHT KG				52	370	20			

GRAND TOAL: 442 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Rep

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH F0 ĐỔI CA VỀ BỜ

Đường bay:

Ngày: 29-01-2024	Nơi xuất phát: TD-03	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 11:25
Chuyến bay: 3	Nơi đến: VŨNG TÀU	Tổ bay: TD3	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		Trọng lượng Hành khách
						Số kiện	Kg	
1	Trần Thanh Quang	Việt phát(ISO)	ПБНКРС	Việt Nam		1	15	70
2	Vũ Duy Khánh	ĐCKT	XNKT	Việt Nam	17245	1	10	65
3	Tổng Trung Huy	TKT	XNKT	Việt Nam	17532	1	15	70
4	Nguyễn Hoàng Đan	KS Đ-TĐH	XNKT	Việt Nam	20802	1	7	65
5	Lâm Văn Hạnh	Thợ nguội	XNKT	Việt Nam	18442	1	15	70
6	Hồ Văn Đức	Nấu ăn	Petrosetco	Việt Nam	42074000416	1	10	70
7	Lâm Tấn Hiếu	Nấu ăn	Petrosetco	Việt Nam	77095002507	1	10	80
8	Đỗ Ngọc Tâm	Kỹ sư	XNXL	Việt Nam	20183	1	9	80
9	Trần Xuân Quyên	Thợ hàn	XNXL	Việt Nam	XL438	2	15	65
10	Nguyễn Văn Diễn	T.Lắp ráp	XNXL	Việt Nam	XL703	1	7	65
11	Kiều Hải Dương	T.Lắp ráp	XNXL	Việt Nam	XL1011	1	8	65
12	Phạm Tiến Sỹ	Thợ cắt	XNXL	Việt Nam	XL1924	2	20	73
13	Bùi Công Hùng	Thợ hàn	XNXL	Việt Nam	XL2076	2	20	66
14	Trần Đình Hùng	Lắp ráp	XNXL	Việt Nam	XL2382	1	10	66
15	Lê Thế Giáp	Lắp ráp	XNXL	Việt Nam	XL2386	1	15	67
16	Phạm Văn Phú	Thợ hàn	XNXL	Việt Nam	XL2422	2	20	72
17	Khổng Quốc Tiến	Thợ CAM	XNXL	Việt Nam	XL1610	1	10	68
18								
19								
20								
21								
22								
Số HK đi:					Trọng lượng:	21	216	1177

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hoá	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				
5				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện gián:

Phi công trưởng:

Koshelev P.S.

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	17	1177
Hành lý	21	216
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	38	1393



DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay:

XNLD VIETSOVPETRO

Ngày: 29/01/2024	Nơi xuất phát: MSP-6	Số hiệu máy bay : 416	Giờ cất cánh	11:25
Chuyến bay: TD.3-P.6-TTC.1	Nơi đến: Vũng tàu	Tổ bay:	Giờ hạ cánh	

HÀNH KHÁCH:

STT	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Tô Quốc Tuấn	Thợ hàn	XÂY LẮP	VN	038086037677	1	15	66
2	Võ Kim Thông	Thợ điện	XÂY LẮP	VN	051081005689	1	15	62
3	Nguyễn Xuân Khoa	Thợ điện	XÂY LẮP	VN	034089019463	2	20	70
4	Trịnh Xuân Tài	Thợ hàn	XÂY LẮP	VN	038091023584	2	20	72
5	Bùi Mạnh Hải	Thợ điện	XÂY LẮP	VN	038086037677	2	20	50
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
13								
14								
15								
16								
17								
18								
19								
20								
21								
22								
Số HK đi :		5			Trọng lượng:	8	90	320

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				
5				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện giàn:

Phi công trưởng:

Đinh Hoài Nam

Lưu Thế Anh

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	5	320
Hành lý	8	90
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	13	410 KG

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P9	7:25	18+0	0+0		18+4	0+0	
2		TD5+BK9+RC3	7:25	14+0+0	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
3		PPD+RC5 +BK16	7:25	15+0	0+0		13+9	0+0	Chuyến R
4		P4	9:25	14	0		22	0	
5		PPD+TD3	9:25	12+3	0+0		17+5	0+0	
6		RP3	11:25	10.	0		22	0	
7		PPD+CTK3	11:25	5+4	0+0		8+14	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày PPD-2 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2024	TO: TD3 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Sơn - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	46-47	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN QUANG BẮC	TD3	40	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	43	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN HỮU THỌ	TD3	39	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
5	LƯU VĂN SƠN	TD3	44	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TIẾN ĐƯƠNG	TD3	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					54	KHOAN	Vietnamese
8	BUI CÔNG SƠN	TD3	41-42	2	6		68	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH HAI	TD3	48,36	2	18		100	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DINH CHUNG	TD3	38	1	7		87	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	53	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	55	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	35-	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HỒNG VƯƠNG	TD3	37	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM HỮU HUÂN	TD3	51	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
17	DẶNG MINH TUẤN	TD3	54	1	14	13	82	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH CHÍ CÔNG	TD3	52	1	10		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	18	19	124	1.304	13	18		
2	P9	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	19	124	1.304	13	22		
WEIGHT KG				124	1.304	13			

GRAND TOAL: 1.441 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD5 - BK9 - RC3	CREW: XHOÀN - ĐNam - THU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	99	1	7		65	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NHU Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH DUY THANH	TD5	97	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VĂN SỰ	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN HIỆN	TD5	96	1	11	80	70	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	93-94	2	8		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH ANH TRUONG	TD5	91	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ XUÂN ANH	TD5	92	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MANH DUONG	TD5	27	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VĂN HIỆN	TD5	95	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HIẾU	TD5	88	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH BINH	TD5	87	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	89-90	2	10		70	YTE	Vietnamese
14	TRẦN ĐẶC THĂNG	TD5	98	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	14	14	73	996	80	19		
2	BK9	0	0	0	0	20	2		
3	RC3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		14	14	73	996	100	22		
WEIGHT KG				73	996	100			

GRAND TOAL: 1.169 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2024	TO: PPD - RC5 - BK16	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	22	1	4	24	80	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	07	1	5	100	74	KHI	Vietnamese
3	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	19	1	4		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	11	1	7		72	KHI	Vietnamese
5	NGÔ SỸ THANH	PPD	23	1	4		82	KHI	Vietnamese
6	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	16	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	09-10	2	15		75	KHI	Vietnamese
8	OKOVANTSEV	PPD	08	1	11		120	KHI	Russian
9	ĐO VĂN TUẤN	PPD	17	1	2		66	KHI	Vietnamese
10	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	13	1	6		64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	12	1	4		74	KHI	Vietnamese
12	LE TRUNG LÂN	PPD	20	1	4		80	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	14-15	2	15		75	KHI	Vietnamese
14	TRƯƠNG HAI HÀ	PPD	21	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	LE THANH TRUNG	PPD	18	1	5		65	KHI	Vietnamese
16	HUYNH VAN HOANG	PPD					71	KHI	Vietnamese
17	TRAN THI VAN HUONG	PPD					52	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	17	96	1.260	124	13		CHUYEN 1 PAX RC5-BK16
2	RC5	0	0	0	0	0	8		
3	BK16	0	0	0	0	1	0		
TOTAL		17	17	96	1.260	125	21		
WEIGHT KG				96	1.260	125			

GRAND TOAL: 1.481 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: P4	CREW: TUYỀN - Sơn - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NAM	P4				20	68	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN HONG PHUC	P4	44	1	4	10	70	KHI	Vietnamese
3	TRAN VAN PHUC	P4	43	1	7		65	KHI	Vietnamese
4	PHAM QUOC DUY	P4	47	1	4		61	KHI	Vietnamese
5	LE VAN MANH	P4					58	KHI	Vietnamese
6	OVCHARENKO	P4	49	1	8		82	KHI	Russian
7	ZAGUDAEV V.	P4	50	1	4		80	KHI	Russian
8	LE VAN HOAN	P4	48	1	4		70	KHI	Vietnamese
9	TRAN VAN NAM	P4	51	1	5		71	KHI	Vietnamese
10	VU DINH CUONG	P4	42	1	6		79	KHI	Vietnamese
11	LE QUANG VINH	P4	41	1	7		71	KHI	Vietnamese
12	DOAN VAN TRUC	P4	54	1	7		69	KHI	Vietnamese
13	DUONG DINH HIEN	P4	52	1	4		65	KHI	Vietnamese
14	DINH VAN TOAN	P4	45-46	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	13	75	967	30	22		
TOTAL		14	13	75	967	30	22		
WEIGHT KG				75	967	30			

GRAND TOAL: 1.072 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2024	TO: PPD - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: KHOAN - ĐNam - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	33	1	3		60	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	35-36	2	9		65	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THÈ HÙNG	PPD	34	1	5	20	68	KHI	Vietnamese
4	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	40	1	5		62	KHI	Vietnamese
5	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	41	1	7		78	KHI	Vietnamese
6	ĐINH HOÀI ĐỨC	PPD					68	KHI	Vietnamese
7	PONOMARENKO EVGENY	PPD	37	1	8		86	KHI	Russian
8	CHAKANOV VITALY	PPD	39	1	5		75	KHI	Russian
9	SHEREMETIEV ANDREY	PPD	38	1	8		77	KHI	Russian
10	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	34	1	10		91	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD3	28-29	2	10	50	62	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ SỸ THANH	TD3	33	1	9		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	9	50	639	20	17		
2	TD3	3	4	29	210	50	5		
TOTAL		12	13	79	849	70	22		
WEIGHT KG				79	849	70			

GRAND TOAL: 928 KGS + 70 kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

[Signature]

[Signature]

[Signature]

lily vsp.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:58
FLIGHT: 2	TO: RP3	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	89	1	7		83	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN KỶ	RP3	82	1	3		66	KHI	Vietnamese
3	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	90	1	5	95	82	KHI	Vietnamese
4	HA VAN THUY	RP3	88	1	3		68	KHI	Vietnamese
5	HOANG VAN HAI	RP3	84	1	6		61	KHI	Vietnamese
6	PHẠM HOANG NGUYEN	RP3	95	1	6		60	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG NAM	RP3	92-94	3	10		63	KHI	Vietnamese
8	VÕ ĐÓN LONG	RP3	83	1	9		71	KHI	Vietnamese
9	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	86-87	2	16		75	KHI	Vietnamese
10	DUBOV AB	RP3	85	1	12		98	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	13	77	727	95	22		
TOTAL		10	13	77	727	95	22		
WEIGHT KG				77	727	95			

GRAND TOAL: 899 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 1	TO: PPD - CTK3	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 14:00
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ PHẠM THANH HUY	PPD	43-44	2	16		83	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ĐĂNG TUÂN	PPD	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ALEKSEI MILLER	PPD	48-49	2	20		98	NHATHAU	Russian
4	NGUYEN DUY TIEN	PPD	46-47	2	17		70	NHATHAU	Vietnamese
5	LUU MINH TUÂN	CTK3	66-67	2	10	8	78	NIPI	Vietnamese
6	VASILY SAZHNIKOV	CTK3	64-65	2	14	60	88	NHATHAU	Russian
7	TRẦN TRINH	CTK3	62-63	2	10		70	NHATHAU	Vietnamese
8	DO MINH TOAN	CTK3	69-70	2	15		115	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	4	7	58	321	0	8		
2	CTK3	4	8	49	351	68	14		
TOTAL		8	15	107	672	68	22		
WEIGHT KG				107	672	68			

GRAND TOAL: 847 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN